

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2024/DS-ST.

Ngày: 30/7/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tuấn

2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Khang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2024/QĐXX-ST ngày 29 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Duy K, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã M, Thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

- Ông Trương Lưu Nhật T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số D, khu phố A, phường H, Thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Ông Phạm Đình Sơn A, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số C, ấp B, xã N, Thành phố B, tỉnh Bến Tre

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Bạch Y, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã M, Thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Văn phòng công chứng Lê Hùng D.

Địa chỉ: Số D, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ôn Khiêm, ông T, ông Sơn A1, bà Y có mặt. Đại diện theo pháp luật Văn phòng C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Duy K trình bày:

Ông K là chủ sử dụng phần đất thuộc thửa 141 và 146 cùng thuộc tờ bản đồ số 03 tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vào năm 2020, vợ chồng ông có vay tiền của ông Phạm Đình Sơn A trong nhiều lần, ông không nhớ rõ thời gian. Đến ngày 10/11/2020, ông và bà Y có ký Văn bản giao nhận tiền và bàn giao nhà đất với ông Phạm Đình Sơn A, nội dung ông và bà Y có nhận của ông Sơn A1 số tiền 2.200.000.000đồng và đồng ý bàn giao toàn bộ tài sản thế chấp là đất và căn nhà trên đất đối với các thửa 141, 146, 703 cùng tờ bản đồ số 3 tại xã M, thành phố B cho ông Sơn A1 toàn quyền sử dụng cho đến ngày vợ chồng ông chuộc lại đất, nếu không chuộc lại thì vợ chồng ông đồng ý ký chuyển nhượng toàn bộ tài sản trên cho ông Sơn A1. Tuy nội dung văn bản là vợ chồng ông giao nhà và đất cho ông Sơn A1 nhưng trên thực tế vợ chồng ông vẫn quản lý nhà và đất, vợ chồng ông chỉ đưa 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Sơn A1 để làm tin.

Trong quá trình vay, vợ chồng ông có đóng lãi cho ông Sơn A1 nhưng ông không nhớ rõ số tiền lãi đã đóng cũng như lãi suất cho vay cụ thể do có nhiều lần thay đổi. Ngày 24/12/2020, ông Sơn A1 có soạn sẵn Hợp đồng ủy quyền yêu cầu vợ chồng ông ký tên, do tin tưởng nên ông ký hợp đồng ủy quyền cho ông Sơn A1 để làm tin, vợ chồng ông không có ký để sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Sơn A1. Vợ chồng ông không biết việc ông Sơn A1 làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Trương Lưu Nhật T. Khoảng giữa năm 2023, ông T có đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến yêu cầu vợ chồng ông giao đất, ông mới biết sự việc trên.

Do vợ chồng ông chỉ vay tài sản chứ không có tặng cho hay chuyển nhượng đất nên ông khởi kiện yêu cầu các vấn đề sau:

- Hủy hợp đồng ủy quyền số 4248, quyền số 02/2020TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C chứng nhận ngày 24/12/2020 đối với ông Phạm Đình Sơn A.

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất theo công chứng số 1443, quyền số 02/2023TP/CC-SCC/HĐGD giữa ông Phạm Đình Sơn A với ông Trương Lưu Nhật T thửa đất số 141 tờ bản đồ số 3, diện tích 1600,9m² và thửa đất số 146, tờ bản đồ số 3, diện tích 173,6m² tọa lạc xã M, Thành phố B, tỉnh Bến Tre;

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hai thửa đất số 141, tờ bản đồ số 3, diện tích 1600,9m² và 146, tờ bản đồ số 3, diện tích 173,6m²; cùng tọa lạc xã M, Thành phố B, tỉnh Bến Tre từ chủ sử dụng Trương Lưu Nhật T sang chủ sử dụng Trần Duy K;

Tại phiên tòa, ông K xác định do Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 05/7/2023 là giả tạo nên ông yêu cầu tuyên hợp đồng trên vô hiệu. Đồng thời, do ông Sơn A1 và ông T đều thống nhất số tiền cho vợ chồng ông vay là của ông T nên ông đồng ý trả cho ông T số tiền đã vay 2.200.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 10/11/2020 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Đình Sơn A trình bày:

Vào năm 2020, ông có đại diện ông T cho ông K và bà Y vay tiền trong nhiều lần, tổng số tiền vay 2.200.000.000đồng. Do số tiền vay quá lớn, ông có yêu cầu ông K và bà Y ký hợp đồng ủy quyền ngày 24/12/2020 để làm tin, trong nội dung ủy quyền có thể hiện cả vấn đề ông đại diện ông K, bà Y nhận tiền liên quan đến việc giải tỏa đền bù đất. Do ông K và bà Y không thực hiện việc trả vốn và lãi nên để làm tin ông có ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất sang tên cho ông T.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông K ông không đồng ý. Ông và ông T chỉ đồng ý sang tên đất lại cho ông K khi ông K và bà Y trả đủ tiền cho ông T.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Lưu Nhật T trình bày:

Số tiền 2.200.000.000đồng ông Sơn A1 cho vợ chồng ông K vay là của ông. Ông đồng ý việc ông K và bà Y trả số tiền 2.200.000.000đồng và tiền lãi theo lãi suất 1.66%/tháng từ ngày 10/11/2020 đến khi xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên ông K và bà Y phải trả xong tiền nợ cho ông mới đồng ý chuyển quyền sử dụng đất lại cho ông K.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Bạch Y trình bày:

Bà là vợ của ông Trần Duy K và thống nhất với ý kiến của ông Trần Duy K. Bà đồng ý cùng ông K chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền vay 2.200.000.000đồng và tiền lãi theo lãi suất 1.66%/tháng từ ngày 10/11/2020 đến khi xét xử sơ thẩm cho ông Trương Lưu Nhật T

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự để triệu tập Đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng Lê Hùng D tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng Đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng Lê Hùng D không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của Đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng Lê Hùng D được.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định.

Về nội dung: đề nghị Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, cụ thể: hủy hợp đồng ủy quyền giữa ông K, bà Y với ông Sơn A1 lập ngày 24/12/2020 liên quan thửa đất 141, 146(3) tọa lạc xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre; tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất 141, 146(3) tọa lạc xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre giữa ông Sơn A1 với ông T; kiến nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận QSD đất hai thửa đất số 141, 146(3) tọa lạc xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre từ tên ông T sang tên ông K.

Ông K, bà Y có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền vay là 2.200.000.000 đồng và trả lãi trên số tiền 2.200.000.000 đồng, mức lãi suất là 1,66%/tháng cho ông T từ ngày 10/11/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Án phí thực hiện theo quy định của pháp luật (ông K, bà Y được miễn án phí), ông T, ông Sơn A1 chịu án phí không có giá ngạch 300.000 đồng đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho vô hiệu của nguyên đơn được chấp nhận; ông Sơn A1 chịu án phí 300.000 đồng đối với yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền của nguyên đơn được chấp nhận).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: ông Trần Duy K khởi kiện bị đơn ông Trương Lưu Nhật T và ông Phạm Đình Sơn A yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền giữa ông Trần Duy K với ông Phạm Đình Sơn A và tuyên vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Trần Duy K với ông Trương Lưu Nhật T. Bị đơn ông Trương Lưu Nhật T và ông Phạm Đình Sơn A thừa nhận hợp đồng ủy quyền và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là đảm bảo cho hợp đồng vay tài sản giữa các bên nên quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp Hợp đồng ủy quyền, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản*”. Bị đơn ông Trương Lưu Nhật T cư trú tại phường H, thành phố B, bị đơn ông Phạm Đình Sơn A cư trú tại xã P, thành phố B, phần đất tranh chấp tọa lạc tại xã M thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện theo pháp luật của Văn phòng C vắng mặt tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Đại diện theo pháp luật của Văn phòng C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với việc nguyên đơn yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất công chứng số 1443, quyền số 02/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/7/2023 giữa ông Phạm Đình Sơn A với ông Trương Lưu Nhật T thửa đất số 141 tờ bản đồ số 3, diện tích 1600,9m² và thửa đất số 146, tờ bản đồ số 3, diện tích 173,6m² cùng tọa lạc xã M, Thành phố B, tỉnh Bến Tre, xét thấy:

Nguyên đơn ông Trần Duy K và bị đơn ông Phạm Đình Sơn A, ông Trương Lưu Nhật T đều thống nhất hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất công chứng số 1443, quyền số 02/2023TP/CC-SCC/HĐGD giữa ông Trần Duy K, bà Lê Bạch Y do ông Phạm Đình Sơn A đại diện ủy quyền với ông Trương Lưu Nhật T là để đảm bảo cho việc vay tiền giữa ông K, bà Y với ông T, thực tế giữa ông K, bà Y với ông T không có thỏa thuận về việc tặng cho quyền sử dụng đất nên có cơ sở xác định hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 05/7/2023 giữa ông Trần Duy K, bà Lê Bạch Y do ông Phạm Đình Sơn A đại diện ủy quyền với ông Trương Lưu Nhật T đối với hai thửa đất 141, 146 tờ bản đồ số 3 là hợp đồng giả tạo nhằm che giấu hợp đồng vay tài sản giữa ông K, bà Y với ông T. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 05/7/2023 là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 124, Điều 407 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

Về hậu quả pháp lý khi hợp đồng vô hiệu: căn cứ theo quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự thì các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Ông Trần Duy K và bà Lê Bạch Y đồng ý trả lại cho ông Trương Lưu Nhật T số tiền đã nhận là

2.200.000.000đồng tiền lãi theo lãi suất 1.66%/tháng tính từ 10/11/2020 đến khi xét xử sơ thẩm. Ông Phạm Đình Sơn A và ông Trương Lưu Nhật T cùng thống nhất số tiền 2.200.000.000đồng là của ông Trương Lưu Nhật T. Ông T đồng ý tính lãi số tiền 2.200.000.000đồng theo mức lãi suất 1.66%/ tháng từ ngày 01/12/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm nên ghi nhận. Như vậy, ông K và bà Y có trách nhiệm trả lại cho ông Trương Lưu Nhật T số tiền đã nhận là 2.200.000.000đồng và tiền lãi theo lãi suất 1.66%/tháng tính từ ngày 10/11/2020 đến khi xét xử sơ thẩm số tiền 1.631.266.700 đồng, tổng cộng: 3.831.226.700 đồng.

Về nghĩa vụ bồi thường thiệt hại: Do hợp đồng giả tạo, các bên không thực hiện việc giao đất hay giao tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên không làm phát sinh thiệt hại, các bên không có nghĩa vụ bồi thường cho nhau.

Do thừa đất số 141 và 146 tờ bản đồ số 03 hiện do ông Trương Lưu Nhật T đứng tên chủ sử dụng đất. Quyền sử dụng đất hai thửa đất này không thuộc trường hợp cấp giấy chứng nhận lần đầu nên kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 141 và 146 tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại xã M, thành phố B của ông Trương Lưu Nhật T và điều chỉnh chủ sử dụng đất từ ông Trương Lưu Nhật T sang chủ sử dụng ông Trần Duy K

[2.2] Đối với việc nguyên đơn yêu cầu Hủy hợp đồng ủy quyền số 4248, quyền số 02/2020 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C chứng nhận ngày 24/12/2020 đối với ông Phạm Đình Sơn A: Hợp đồng ủy quyền ngày 24/12/2020 được xác lập giữa các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, phù hợp quy định tại Điều 562 Bộ luật dân sự nên có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, các đương sự đều thống nhất Hợp đồng ủy quyền số 4248, quyền số 02/2020TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C chứng nhận ngày 24/12/2020 là để đảm bảo cho Hợp đồng vay tài sản giữa ông Trần Duy K, bà Lê Bạch Y với ông Trương Lưu Nhật T. Do đã giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, buộc ông K và bà Y có trách nhiệm trả lại cho ông Trương Lưu Nhật T số tiền vay là 2.200.000.000đồng và tiền lãi 1.631.266.700đồng nên cần thiết hủy hợp đồng ủy quyền số 4248, quyền số 02/2020 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C chứng nhận ngày 24/12/2020.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Ông Trần Duy K và bà Lê Bạch Y có trách nhiệm liên đới chịu án phí đối với số tiền 3.805.662.700đồng phải trả cho ông T =72.000.000đồng + 2% x (3.831.226.700đồng - 2.000.000.000đồng) = 108.624.500đồng.

Do bà Lê Bạch Y là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH số tiền 54.312.200đồng. Ông Trần Duy K phải chịu số tiền án phí còn lại là 54.312.300đồng

- Ông Phạm Đình Sơn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền được chấp nhận của nguyên đơn là 300.000đồng

- Ông Phạm Đình Sơn A và ông Trương Lưu Nhật T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu tuyên vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được chấp nhận của nguyên đơn là 300.000đồng.

[4] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 117, Điều 124, Điều 131, Điều 407, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 500, Điều 501, Điều 502, Điều 562 Bộ luật Dân sự 2015.

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Duy K:

- Tuyên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được công chứng ngày 05/7/2023 tại Văn phòng C, số công chứng 1443, quyền số 02/2023 TP/CC-SCC/HĐGD giữa ông Trần Duy K, bà Lê Bạch Y (do ông Phạm Đình Sơn A đại diện theo ủy quyền) với ông Trương Lưu Nhật T đối với phần đất thuộc thửa 141, 146 cùng tờ bản đồ số 03 tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre vô hiệu.

- Hủy Hợp đồng ủy quyền được công chứng ngày 24/12/2020 tại Văn phòng C, số công chứng 4248, quyền số 02/2020 TP/CC-SCC/HĐGD giữa ông Trần Duy K với ông Phạm Đình Sơn A.

- Buộc ông Trần Duy K và bà Lê Bạch Y có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trương Lưu Nhật T số tiền 3.831.226.700 (Ba tỷ tám trăm ba mươi một triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm) đồng gồm tiền vốn 2.200.000.000 (Hai tỷ hai trăm triệu) đồng và tiền lãi 1.631.266.700 (Một tỷ sáu trăm ba mươi một triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 141 và 146 tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại xã M thành phố B của ông Trương Lưu Nhật T và điều chỉnh chủ sử dụng đất từ ông Trương Lưu Nhật T sang chủ sử dụng ông Trần Duy K

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch ông Phạm Đình Sơn A phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch ông Phạm Đình Sơn A và ông Trương Lưu Nhật T phải chịu án là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Trần Duy K phải chịu là 54.312.300 (Năm mươi bốn triệu ba trăm mười hai nghìn ba trăm) đồng nhưng được khấu trừ vào

số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 00001025 và 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001024 cùng ngày 26/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Ông K còn phải nộp tiếp số tiền 53.712.300 (Năm mươi ba triệu bảy trăm mười hai nghìn ba trăm) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương